

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 01/2022/LĐ-PT

Ngày 29 - 8 -2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
lao động và yêu cầu hủy
quyết định buộc thôi việc”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/7/2022 và ngày 29/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-LĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng lao động và yêu cầu hủy quyết định buộc thôi việc”*.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Th, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khóm, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

*** Bị đơn:**

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn S - Chức vụ: Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Tam N.

2. Văn phòng Huyện ủy Tam N.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H - Chức vụ: Chánh Văn phòng Huyện ủy.

Cùng địa chỉ: Khóm, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

*** *Người kháng cáo:*** Phan Thị Th là nguyên đơn.

Chị Th có mặt tại phiên tòa. Ông S và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Từ khi hợp đồng thử việc 3 tháng tính từ ngày 01/02/2006 đến hết năm 2019 làm việc tạp vụ (vệ sinh cơ quan) tại Văn phòng Huyện ủy Tam N. Cụ thể: Từ năm 2006 – 2007 được trả lương theo mức lương tối thiểu vùng là 400.000 đồng. Năm 2008 Văn phòng Huyện ủy chuyển sang xếp lương theo ngạch, bậc. Năm 2012, do để đảm bảo thủ tục bảo hiểm, nên Văn phòng Huyện ủy tiếp tục ký hợp đồng lao động với mức lương đúng theo lộ trình nâng lương (02 năm tăng 01 lần, hệ số lương 1,72). Đến năm 2014, 2015, 2016 Văn phòng Huyện ủy không nâng lương cho tôi. Năm 2017, Văn phòng ký hợp đồng lao động mới theo Nghị định 68, nhưng không chấm dứt hợp đồng lao động năm 2012. Đầu năm 2020, Ban thường vụ Huyện ủy ký quyết định cho thôi việc theo Nghị định 108 (tinh giảm biên chế) và cho tôi hưởng chế độ trợ cấp thôi việc 3 năm từ 2017 – 2019.

Nay chị Th khởi kiện yêu cầu như sau:

- Tuyên hợp đồng lao động năm 2017 ký với Văn phòng Huyện ủy vô hiệu, vì không có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động năm 2012.

- Hủy Quyết định số 1728-QĐ/HU ngày 02/01/2020 của Ban thường vụ Huyện ủy, về việc cho thôi việc theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP, vì hợp đồng năm 2017 vô hiệu, nên không thuộc đối tượng tinh giảm biên chế và nhận trở lại làm việc.

- Buộc Văn phòng Huyện ủy bồi thường: Chênh lệch tiền lương và các khoản phụ cấp do không nâng lương theo hợp đồng lao động năm 2012 kể từ năm 2014 - 2019 và lãi suất chậm trả với tổng số tiền 36.331.004 đồng.

- Trả lương trong thời gian không được làm việc từ 01/01/2020- 6/2021 là 24 tháng, số tiền 127.444.706 đồng.

- Chênh lệch trợ cấp thất nghiệp: 17.113.539 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật là 11.364.513 đồng.

- Buộc Văn phòng Huyện ủy đóng thêm cho đủ mức bảo hiểm xã hội từ

năm 2014 - 2019 là 25.631.338 đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày không được làm việc: 25.742.170 đồng và tiền lãi: 11.743.320đ.

Tổng cộng: 289.496.973 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết đúng theo quy định pháp luật.

Tại quyết định bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam N đã tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí.

+ Do nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 6 năm 2022 chị Phan Thị Th kháng cáo Bản án sơ thẩm số 01/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án huyện Tam N chị Th yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên hợp đồng lao động năm 2017 của Văn phòng Huyện ủy Tam N đối với chị Phan Thị Th là hợp đồng vô hiệu toàn bộ.

- Hủy Quyết định số: 1728-QĐ/HU ngày 02/01/2020 của Ban thường vụ Huyện ủy Tam N về việc cho thôi việc ngay theo Nghị định số: 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số: 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Buộc Văn phòng Huyện ủy Tam N bồi thường các thiệt hại cho chị Th tạm tính đến tháng 6/2022 cụ thể:

+ Chênh lệch tiền lương, các khoản phụ cấp, hỗ trợ công tác Đảng do không nâng lương cho chị Th theo Hợp đồng lao động năm 2012 kể từ năm 2014 đến năm 2019 và tính lãi suất chậm trả 3,1% là 48.597.321 đồng.

+ Trả lương cho chị Th trong thời gian không được làm việc (Từ ngày 01/01/2020 đến tháng 6/2022): 30 tháng là 161.538.245 đồng.

+ Chênh lệch trợ cấp thất nghiệp: 17.113.539 đồng.

+ 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật: 11.364.513 đồng.

+ Đóng thêm cho đủ mức Bảo hiểm xã hội từ năm 2014 đến năm 2019 đúng với quy định (Trong đó giai đoạn 2016-2017 áp dụng tiền lương tháng đóng BHXH phải thêm phụ cấp; Giai đoạn 2018-2019 phải thêm phụ cấp và

tiền hỗ trợ công tác Đảng): Văn phòng đóng 18% là 25.742.970 đồng.

+ Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày chị Th không được làm việc (Từ ngày 01/01/2020 đến tháng 6/2022): Văn phòng đóng 18% là 32.488.139 đồng.

Tổng các khoản thiệt hại buộc Văn phòng Huyện ủy Tam N bồi thường cho chị Th tạm tính đến tháng 6/2022 là 296.844.727 đồng.

- Buộc Văn phòng Huyện ủy Tam N hợp đồng Chị Th trở lại làm việc theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của chị Phan Thị Th, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 01/01/2012, Văn phòng Huyện ủy Tam N ký hợp đồng lao động số: 33/HĐLĐ với chị Phan Thị Th, loại hợp đồng lao động dài hạn: Không xác định thời gian; Công việc: tạp vụ; Mức lương: hệ số 1,72; thời hạn nâng lương theo quy định hiện hành; Phụ cấp, tiền thưởng theo quy định. Đến ngày 01/01/2017, Văn phòng Huyện ủy Tam N ký hợp đồng lao động số : 02/HĐLĐ với chị Phan Thị Th, loại hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; Mức lương: hệ số 1,72; thời hạn nâng lương theo quy định hiện hành; Phụ cấp, tiền thưởng theo quy định. Ngày 02/01/2020, Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N ban hành Quyết định số 1728-QĐ/HU cho chị Phan Thị Th thôi việc, kể từ ngày 01/01/2020, chị Th được hưởng chế độ chính sách thôi việc theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Chị Th không đồng ý với Quyết định số 1728-QĐ/HU, nên khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Th. Chị Th không thống nhất kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Th yêu cầu tuyên hợp đồng lao động năm 2017 giữa Văn phòng Huyện ủy Tam N với chị Phan Thị Th là hợp đồng vô

hiệu. Chị Th cho rằng, khi ký hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ ngày 01/01/2017, chị Th bị lừa dối, đồng thời hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ ngày 01/01/2012 chưa chấm dứt vẫn còn hiệu lực, Văn phòng Huyện ủy đơn phương chấm dứt hợp đồng số 33/HĐLĐ, nên yêu cầu Văn phòng Huyện ủy bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật số tiền 11.364.513 đồng. Xét thấy, sau khi ký hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ, thì chị Th làm việc liên tục tại Văn phòng Huyện ủy Tam N, đến ngày 01/01/2017 thì giữa Văn phòng Huyện ủy với chị Th thỏa thuận ký hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, không trái với quy định của pháp luật. Chị Th không chứng minh được là khi ký hợp đồng số 02/HĐLĐ chị Th bị lừa dối, nên việc chị Th yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ vô hiệu là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về phía Văn phòng Huyện ủy khi ký hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ với chị Th, lẽ ra Văn phòng Huyện ủy với chị Th có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng số 33/HĐLĐ, nhưng Văn phòng Huyện ủy và chị Th ký hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ và hai bên đã thực hiện hợp đồng số 02/HĐLĐ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2019, không có tranh chấp gì về Hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ. Như vậy, Văn phòng Huyện ủy và chị Th mặc nhiên thừa nhận hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ được thay thế bằng hợp đồng số 02/HĐLĐ, nên hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ được đương nhiên chấm dứt từ ngày 31/12/2016, Văn phòng Huyện ủy cũng không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ với chị Th, nên việc chị Th yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của Chị Th yêu cầu hủy Quyết định số: 1728-QĐ/HU ngày 02/01/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N. Xét thấy, chị Th làm việc tại Văn phòng Huyện ủy theo hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ, Văn phòng Huyện ủy là cơ quan trực thuộc, tham mưu giúp việc cho Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N. Ngày 02/01/2020 Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N ban hành Quyết định số 1728-QĐ/HU cho chị Th thôi việc là đúng đối tượng theo Nghị quyết số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ. Đồng thời, trước khi ban Thường vụ Huyện ủy Tam N ban hành quyết định cho chị Th thôi việc thì ngày 22/8/2019 chị Th có đơn xin thôi việc. Theo đơn xin thôi việc của chị Th có nội dung như sau: “Sau khi nghiên cứu Luật Bảo hiểm xã

hội, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giảm biên chế. Tôi xét thấy đủ điều kiện và làm đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết cho tôi được thôi việc ngay kể từ ngày 01/01/2020”. Việc Chị Th xin thôi việc là hoàn toàn tự nguyện và Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N ban hành quyết định cho chị Th thôi việc là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chị Th yêu cầu hủy Quyết định số 1728-QĐ/HU ngày 02/01/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N.

[5] Xét kháng cáo của chị Th yêu cầu Văn phòng Huyện ủy trả tiền chênh lệch tiền lương, các khoản phụ cấp, hỗ trợ công tác Đảng do không nâng lương cho chị Th theo Hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ, kể từ năm 2014 đến năm 2019 và tính lãi suất chậm trả 3,1% là 48.597.321 đồng. Xét thấy, theo hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ thì chị Th được nâng lương theo quy định, nhưng từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2016, Văn phòng Huyện ủy trả lương cho Chị Th theo hệ số lương 1,72 mà không nâng lương cho Chị Th là không đúng theo hợp đồng lao động, Nghị định số 204/2004/NQ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Thông tư số 01/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức. Theo Nghị định số 204/2004/NĐ và Thông tư số 01/2005/TTLT-BNV-BTC, thì chị Th thuộc đối tượng 02 năm được nâng hệ số lương một lần, mỗi lần được nâng hệ số 0,18. Theo đó, chị Th được nâng lương như sau:

- Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2013, thì hệ số lương 1,72.
- Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2015, thì hệ số lương được nâng lên là 1,90, chênh lệch 0,18.
- Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, thì hệ số lương được nâng lên là 2,08, chênh lệch 0,36.

Số tiền chênh lệch từ tiền lương, phụ cấp công vụ, phụ cấp công tác đảng và các khoản bảo hiểm chị Th được hưởng như sau:

- Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2015: 24 tháng.

+ Tiền lương:

0,18 (hệ số) x 1.150.000 đ (mức lương cơ sở)/tháng = 207.000đ/tháng.

+ Phụ cấp công vụ và phụ cấp công tác đảng :

207.000đ/tháng x 55% = 113.850đ/tháng.

+ Các khoản bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ):

$207.000\text{đ}/\text{tháng} \times 24\% = 49.680\text{đ}/\text{tháng}.$

Cộng: $370.530\text{đ}/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 8.892.720 \text{ đồng}.$

- Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2016: 04 tháng.

+ Tiền lương:

$0,36 \text{ (hệ số)} \times 1.150.000\text{đ} \text{ (mức lương cơ sở)}/\text{tháng} = 414.000 \text{ đ}/\text{tháng}.$

+ Phụ cấp công vụ và phụ cấp công tác đảng :

$414.000\text{đ}/\text{tháng} \times 55\% = 227.700\text{đ}/\text{tháng}.$

+ Các khoản bảo hiểm: (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ):

$414.000\text{đ}/\text{tháng} \times 24\% = 99.360\text{đ}/\text{tháng}.$

Cộng: $741.060\text{đ}/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 2.964.240 \text{ đồng}.$

- Từ ngày 01/5/2016 đến ngày 31/12/2016: 08 tháng.

+ Tiền lương:

$0,36 \text{ (hệ số)} \times 1.210.000\text{đ} \text{ (mức lương cơ sở)}/\text{tháng} = 435.600\text{đ}/\text{tháng}.$

+ Phụ cấp công vụ và phụ cấp công tác đảng :

$435.600\text{đ}/\text{tháng} \times 55\% = 239.580\text{đ}/\text{tháng}.$

+ Các khoản bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)

$435.600\text{đ}/\text{tháng} \times 24\% = 104.544\text{đ}/\text{tháng}.$

Cộng: $779.724\text{đ}/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 6.237.792 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: 18.094.752 đồng (tính tròn 18.095.000đ).

Như vậy, Văn phòng Huyện ủy có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tiền lương, tiền bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho chị Th từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2016, số tiền 18.095.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo của chị Th yêu cầu Văn phòng Huyện ủy trả tiền chênh lệch tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2016 với số tiền 18.095.000 đồng.

[6] Đối với việc chị Th yêu cầu Văn phòng Huyện ủy trả tiền chênh lệch tiền lương, các khoản phụ cấp, hỗ trợ công tác Đảng do không nâng lương từ năm 2017 đến năm 2019. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, ngày 01/01/2017 Văn phòng Huyện ủy với chị Th thỏa thuận ký hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ thay thế hợp đồng lao động số 33/HĐLĐ. Hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, Văn phòng Huyện ủy đã trả lương cho chị Th từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2019 đúng theo hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ, nên việc chị Th yêu cầu Văn phòng Huyện ủy trả chênh lệch tiền

lương các khoản phụ cấp do không nâng lương từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2019 là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của chị Th yêu cầu Văn phòng Huyện ủy trả lương trong thời gian không được làm việc (từ ngày 01/01/2020 đến tháng 6/2022): 30 tháng là 161.538.245 đồng và hợp đồng nhận chị Th trở lại làm việc theo quy định. Xét thấy, Quyết định số 1728-QĐ/HU ngày 02/01/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tam N cho chị Th thôi việc là đúng nguyện vọng của chị Th và quy định của pháp luật, nên việc chị Th yêu cầu Văn phòng Huyện ủy trả lương trong thời gian không làm việc và hợp đồng nhận chị Th trở lại làm việc là không có cơ sở, nên Hội đồng xét không chấp nhận.

[8] Đối với kháng cáo của chị Th yêu cầu tính lãi của số tiền mà Văn phòng Huyện ủy chậm trả tiền lương theo mức lãi 3,1%/năm. Xét thấy, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 24 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động quy định:...Nếu thời gian trả lương chậm từ 15 ngày trở lên thì phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương.... Do vậy, việc chị Th yêu cầu tính lãi của số tiền lương chậm trả theo mức lãi suất 3,1%/năm là có cơ sở. Theo đó, Văn phòng Huyện ủy phải trả tiền lãi cho Chị Th do chậm trả lương số tiền: 3.775.531 đồng:

- Từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015:

$8.892.720đ \times 3,1\% = 275.674 \text{ đồng.}$

- Từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016:

$9.202.032đ \times 3,1\% = 285.262 \text{ đồng.}$

- Từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 8 năm 2022:

$18.094.752đ \times 3,1\% \times 5 \text{ năm } 8 \text{ tháng} = 3.214.595 \text{ đồng.}$

Cộng: 3.775.531 đồng (tính tròn 3.776.000đ).

[9] Về phía Chị Th, sau khi có quyết định buộc thôi việc, Bảo hiểm xã hội huyện Tam N, Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Đồng Tháp đã chi trả các chế độ cho Chị Th xong, Văn phòng Huyện ủy Tam N cũng đã chi trả trợ cấp thôi việc Chị Th số tiền 8.493.000 đồng, Văn phòng Tỉnh ủy trợ cấp thôi việc cho Chị Th số tiền 10.814.000 đồng và Chị Th đã nhận xong. Chị Th không có kháng cáo yêu cầu Văn phòng Huyện ủy cho trả trợ cấp thôi việc. Tuy nhiên, theo Công văn số 231-CV/VPFU ngày 17/8/2022 của Văn phòng Huyện ủy Tam N tiếp tục chi trả trợ cấp thôi việc cho Chị Th trong thời gian từ

ngày 01/02/2006 đến ngày 31/12/2008 tính tròn 3 năm mỗi năm ½ tháng lương với số tiền 3.775.200 đồng (tính tròn 3.775.000đ), nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th yêu cầu trong trường hợp Văn phòng Huyện ủy có trả tiền lương, phụ cấp, các khoản bảo hiểm, trợ cấp...thì Chị Th thống nhất nhận tại Văn phòng Huyện ủy, không yêu cầu chuyển cho cơ quan Bảo hiểm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Tổng cộng Văn phòng Huyện ủy Tam N có nghĩa vụ chi trả tiền do không nâng lương đúng quy định gồm: tiền lương, các khoản bảo hiểm, trả tiền lãi và trợ cấp thôi việc cho chị Phan Thị Th, tổng cộng số tiền 25.646.000 đồng.

[12] Án sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Th là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[13] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chấp nhận một phần kháng cáo của Chị Th là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Chị Th, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Chị Th không phải chịu án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 13, 23, 34, 179, 188 của Bộ luật lao động; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Phan Thị Th.
- Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2022/LĐ-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án huyện Tam N.
- Buộc Văn phòng Huyện ủy Tam N có nghĩa vụ chi trả tiền do không nâng lương đúng quy định gồm tiền lương, các khoản bảo hiểm, trả tiền lãi và trợ cấp thôi việc cho chị Phan Thị Th, tổng cộng số tiền 25.646.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Văn phòng Huyện ủy Tam N phải chịu 1.282.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tam N;
- CCTHADS huyện Tam N;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng